

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 185/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 5 - 2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hiên.

Bà Lưu Xông Pha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1979.

- *Bị đơn:* Ông Phú Minh T, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: Khóm I, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2024 của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 2005 bà H và ông T tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu vào ngày 11/3/2008 theo giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2008. Thời kỳ chung sống có 01 con chung tên Phú Duy L, sinh 14/01/2006 (Các con hiện nay đã thành niên và tự lo được cuộc sống riêng). Về tài sản chung và nợ chung thoả thuận. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống tính tình vợ chồng không hoà hợp và phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được.

Bà H yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Xét yêu cầu và ý kiến của đương sự:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:*

[3.1.1] Mọi quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3.1.2] Xét thấy trong cuộc sống hôn nhân bà H và ông T không thực hiện tốt việc bình đẳng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, mà lại làm cho mối quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các bên 02 lần để tham gia hoà giải, nhưng ông T đều không đến và bà H luôn thể hiện ý chí cương quyết ly hôn với ông T, nên có căn cứ xác định được bà H và ông T không còn quan tâm gì đối với mối quan hệ hôn nhân này và giữa đôi bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng dẫn đến các hệ lụy nêu trên, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân về sau thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc và trái với các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình hiện nay, nên cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2008 ngày 11/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã T hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật).

[3.2] *Về con chung:* Các con đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động và tự lo được cuộc sống riêng, nên không xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà H không yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T về vấn đề tài sản chung và nợ chung, nên không có

căn cứ làm rõ và xem xét phân tài sản chung giữa bà H và ông T. Do đó, cần tách phân tài sản chung ra, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] *Xét về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà H đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Đ a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc H.

- Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Ngọc H ly hôn với ông Phú Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 60/2008 ngày 11/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Bạc Liêu hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc H phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà H đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004501 ngày 19/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Trần Văn Thời;
- UBND xã Tân Phong, thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu HSPA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Trương Huỳnh Hải